

Số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận thí sinh trúng tuyển
kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-LĐTBXH ngày 22/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc Ban hành Quy định đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc quy định điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học năm 2021;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 114 thí sinh có tên trong danh sách đính kèm đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 của Trường Đại học Lao động - Xã hội, được tổ chức thi trong các ngày 09-10/10/2021, trong đó:

- Chuyên ngành Bảo hiểm: 08 thí sinh (*Chi tiết tại Phụ lục I*).
- Chuyên ngành Công tác xã hội: 05 thí sinh (*Chi tiết tại Phụ lục II*);
- Chuyên ngành Kế toán: 09 thí sinh (*Chi tiết tại Phụ lục III*);
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 13 thí sinh (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).
- Chuyên ngành Quản trị nhân lực: 79 thí sinh (*Chi tiết tại Phụ lục V*);

Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của các thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, trưởng phòng Kế toán - Tài chính, trưởng phòng Quản lý đào tạo, trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CHUYÊN NGÀNH BẢO HIỂM**

(Kèm theo Quyết định số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Quản trị rủi ro (1)	Nguyên lý BH (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	BH15001	Hoàng Hà Ngọc Diệp	Nữ	29/03/1998	Phú Thọ			7,50	6,25	71,00	13,75	
2	BH15002	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	09/07/1998	Hải Dương	TOEIC 595		8,50	8,65	-----	17,15	Miễn thi Tiếng Anh
3	BH15003	Nguyễn Thị Lan	Nữ	21/09/1999	Hà Nội			8,00	7,20	50,00	15,20	
4	BH15004	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	27/08/1986	Thanh Hóa			7,50	8,90	68,00	16,40	
5	BH15005	Đào Hương Ly	Nữ	17/07/1998	Tuyên Quang	TOEIC 545		6,75	8,75	-----	15,50	Miễn thi Tiếng Anh
6	BH15008	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	28/06/1981	Hải Dương			7,75	9,55	66,00	17,30	
7	BH15010	Lê Hà Trang	Nữ	28/09/1994	Thanh Hóa			8,75	9,50	63,00	18,25	
8	BH15011	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	09/08/1990	Nghệ An			7,00	9,05	51,00	16,05	

Danh sách có 08 thí sinh trúng tuyển./

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

Phụ lục II

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Hành vi CN và MTXH (1)	Nhập môn CTXH (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	CT15013	Đàm Mỹ Linh	Nữ	03/01/1994	Hà Nội			5,00	6,75	56,00	11,75	
2	CT15014	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	26/05/1997	Hà Nội			6,50	7,00	53,00	13,50	
3	CT15015	Trương Thanh Sơn	Nam	18/10/1997	Hà Nội			7,00	7,00	52,00	14,00	
4	CT15016	Phạm Thị Thu	Nữ	29/09/1992	Hà Nội			7,50	8,00	50,00	15,50	
5	CT15017	Phạm Ngọc Thùy	Nam	08/02/1997	Lào Cai			7,00	7,50	63,00	14,50	

Danh sách có 05 thí sinh trúng tuyển./

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI
(Chữ ký)
Hà Xuân Hùng

Phụ lục III

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

(Kèm theo Quyết định số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Kế toán quản trị (1)	Nguyên lý kế toán (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	KT15020	Lưu Mỹ Hải Hà	Nữ	19/03/1980	Hà nội			6,25	6,30	55,00	12,55	
2	KT15021	Phùng Thị Hằng	Nữ	05/12/1983	Hà Nội			6,25	6,35	77,00	12,60	
3	KT15022	Đặng Hồng Hoa	Nữ	02/04/1993	Hà Nội			7,00	6,57	58,50	13,57	
4	KT15023	Hà Thị Hồng	Nữ	16/02/1985	Thanh Hóa			7,00	7,30	59,00	14,30	
5	KT15024	Hồ Thị Thúy Lê	Nữ	02/10/1990	Nghệ An			6,00	7,30	50,00	13,30	
6	KT15025	Lê Thị Tú Linh	Nữ	23/09/1996	Hà Nội			7,75	6,72	60,00	14,47	
7	KT15027	Đặng Thị Tuyết Ngọc	Nữ	27/02/1998	Thái Bình			8,00	6,80	74,00	14,80	
8	KT15028	Nguyễn Thu Phương	Nữ	04/02/1988	Phú Thọ	Cử nhân TA		8,25	8,00	-----	16,25	Miễn thi Tiếng Anh
9	KT15029	Phạm Nguyễn Thành	Nam	08/08/1981	Hà Nội			7,25	6,72	56,00	13,97	

Danh sách có 09 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

Phụ lục IV

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Kinh tế vi mô (1)	Quản trị học (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	QK15031	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	23/09/1996	Hà Tĩnh			8,03	5,85	71,00	13,88	
2	QK15032	Lê Anh Đức	Nam	20/07/1984	Hà Nội			8,35	7,25	65,00	15,60	
3	QK15033	Nguyễn Hồng Dương	Nam	06/05/1993	Lào Cai			5,05	5,00	64,00	10,05	
4	QK15036	Đỗ Thị Hạnh	Nữ	03/08/1979	Thanh Hóa			7,88	6,50	65,00	14,38	
5	QK15037	Lê Mỹ Hạnh	Nữ	10/10/1986	Thanh Hóa			8,88	6,15	63,00	15,03	
6	QK15038	Đoàn Minh Hiếu	Nam	02/08/1995	Hà Nội			8,00	6,05	68,00	14,05	
7	QK15039	Trịnh An Huy	Nam	17/10/1982	Hải Dương			7,30	8,05	63,00	15,35	
8	QK15040	Ngô Thị Diệu Linh	Nữ	21/10/1988	Nghệ An			6,30	6,95	51,00	13,25	
9	QK15042	Đoàn Vinh Quang	Nam	15/05/1981	Nam Định			6,55	5,55	67,00	12,10	
10	QK15043	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	28/10/1998	Thái Bình			9,20	8,25	79,00	17,45	
11	QK15044	Phạm Văn Thiệu	Nam	15/10/1981	Hải Dương			8,95	7,15	62,00	16,10	
12	QK15045	Đặng Thị Thoa	Nữ	13/03/1983	Hà Nội			8,95	7,65	70,00	16,60	
13	QK15047	Nguyễn Lưu Vân Trang	Nữ	04/02/1987	Hà Nội			8,95	7,45	75,00	16,40	

Danh sách có 13 thí sinh trúng tuyển./.



Phụ lục V

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 1762 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đôi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	QT15048	Đặng Thị Lan Anh	Nữ	13/01/1994	Hà Nội	Cử nhân TA		8,50	8,10	-----	16,60	Miễn thi Tiếng Anh
2	QT15049	Lại Thị Vân Anh	Nữ	21/05/1981	Hà Nam			6,75	5,85	77,50	12,60	
3	QT15050	Lê Hoàng Anh	Nam	15/07/1999	Thái Bình			5,25	5,70	71,00	10,95	
4	QT15051	Nguyễn Phương Anh	Nữ	27/06/1996	Hà Nội			7,00	7,45	81,00	14,45	
5	QT15052	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07/07/1997	Hà Nội			5,50	5,20	64,00	10,70	
6	QT15053	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	04/08/1998	Quảng Ninh			8,25	6,80	68,00	15,05	
7	QT15055	Trần Tuấn Anh	Nam	04/02/1993	Hà Nội			8,50	7,30	78,00	15,80	
8	QT15056	Vũ Tuấn Anh	Nam	09/09/1977	Vĩnh Phúc			6,75	7,35	64,00	14,10	
9	QT15057	Nguyễn Hữu Bắc	Nam	15/08/1976	Hà Nội			7,00	7,65	65,50	14,65	
10	QT15058	Phan Thị Thanh Bình	Nữ	19/05/1982	Nghệ An	Cử nhân TA		6,50	7,75	-----	14,25	Miễn thi Tiếng Anh
11	QT15059	Phạm Yên Chi	Nữ	18/07/1997	Thái Nguyên			6,25	5,05	70,00	11,30	
12	QT15060	Bùi Hồng Diệp	Nữ	28/01/1980	Thái Bình			6,50	7,35	59,00	13,85	
13	QT15061	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	25/05/1997	Hà Nam			5,50	6,25	61,00	11,75	
14	QT15062	Vũ Thị Thu Dung	Nữ	30/09/1981	Lai Châu			6,75	5,30	57,00	12,05	
15	QT15063	Hoàng Thị Thùy Dương	Nữ	24/07/1993	Ninh Bình			7,25	6,15	71,00	13,40	
16	QT15064	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	14/08/1986	Nam Định			8,00	6,20	78,00	14,20	
17	QT15065	Trần Bình Dương	Nam	19/11/1995	Bắc Giang			8,50	7,15	68,00	15,65	
18	QT15066	Trần Đại Dương	Nam	26/07/1992	Nam Định			8,00	8,45	72,00	16,45	
19	QT15067	Nguyễn Thị Hoài Giang	Nữ	02/09/1982	Nghệ An			8,00	6,70	75,00	14,70	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
20	QT15068	Nguyễn Trường	Giang	Nam	21/07/1998	Ninh Bình			7,00	7,45	74,00	14,45	
21	QT15069	Nguyễn Việt	Hà	Nữ	29/12/1973	Hà Nội			8,25	6,95	72,00	15,20	
22	QT15070	Trần Song	Hà	Nữ	22/12/1974	Hà Nội			7,75	5,70	70,00	13,45	
23	QT15071	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	03/09/1980	Bắc Giang	Cử nhân TA		9,00	6,25	-----	15,25	Miễn thi Tiếng Anh
24	QT15072	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	21/06/1997	Hưng Yên			8,00	8,65	76,00	16,65	
25	QT15074	Trần Thị Mai	Hoa	Nữ	25/05/1991	Phú Thọ			8,50	6,70	73,00	15,20	
26	QT15075	Lê Thị	Hoà	Nữ	14/10/1980	Hà Nội			8,50	6,65	77,00	15,15	
27	QT15076	Dương Minh	Huệ	Nữ	22/06/1991	Tuyên Quang			9,00	7,80	80,00	16,80	
28	QT15077	Hoàng Quốc	Hùng	Nam	11/01/1980	Bắc Ninh			9,00	7,80	70,00	16,80	
29	QT15078	Quán Văn	Hưng	Nam	07/01/1982	Quảng Ninh			8,00	6,25	53,00	14,25	
30	QT15079	Trần Khắc	Hưng	Nam	07/12/1974	Tỉnh Nghệ An			8,00	7,15	59,00	15,15	
31	QT15081	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/09/1987	Thái Bình			8,00	5,15	64,00	13,15	
32	QT15082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	13/08/1994	Bắc Giang			8,25	6,80	70,00	15,05	
33	QT15083	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	30/12/1998	Bắc Giang			8,25	7,15	56,00	15,40	
34	QT15084	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	09/10/1982	Lào Cai			7,25	7,30	61,00	14,55	
35	QT15085	Vũ Thị	Huyền	Nữ	07/04/1999	Quảng Ninh			6,00	6,20	53,00	12,20	
36	QT15086	Trương Sơn	Lâm	Nam	30/03/1971	Hà Nội			5,50	6,05	57,00	11,55	
37	QT15087	Bùi Nguyệt	Lan	Nữ	15/04/1981	Hà Nội			7,75	7,10	67,00	14,85	
38	QT15088	Lê Thị Minh	Lan	Nữ	30/11/1976	Hà Nội			7,75	5,10	58,00	12,85	
39	QT15089	Bùi Thị	Lê	Nữ	24/04/1981	Hà Nội			8,00	5,75	67,00	13,75	
40	QT15090	Trịnh Thị Hồng	Lê	Nữ	16/07/1995	Thái Nguyên	TOEIC 585		7,50	7,25	-----	14,75	Miễn thi Tiếng Anh
41	QT15091	Đào Thị Bích	Liên	Nữ	01/07/1983	Hòa Bình			8,75	7,35	66,00	16,10	
42	QT15092	Giáp Tuấn	Linh	Nam	26/06/1998	Bắc Giang			7,75	6,75	70,00	14,50	
43	QT15093	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	02/04/1994	Hà Nội			6,00	5,65	55,00	11,65	
44	QT15094	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	23/05/1994	Quảng Ninh			5,75	6,60	51,00	12,35	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
45	QT15095	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	22/11/1996	Hưng Yên			8,50	7,30	59,00	15,80	
46	QT15096	Nguyễn Vương Diệu Linh	Nữ	15/11/1998	Phủ Thọ			6,25	5,40	60,00	11,65	
47	QT15097	Phạm Hiền Lương	Nữ	16/11/1986	Tuyên Quang			8,00	5,20	59,00	13,20	
48	QT15098	Trần Diệu Ly	Nữ	11/07/1994	Hà Nội			8,75	7,90	60,00	16,65	
49	QT15099	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	05/03/1982	Nam Định			8,50	7,35	62,00	15,85	
50	QT15100	Đinh Lê Quang Minh	Nam	09/11/1984	CH Séc			8,00	5,60	61,00	13,60	
51	QT15101	Lương Nhật Minh	Nam	06/03/1998	Hà Nội	TOEIC 855		6,00	8,40	-----	14,40	Miễn thi Tiếng Anh
52	QT15102	Trần Bùi Ngọc Minh	Nữ	16/05/1998	Ninh Bình			5,00	6,75	55,00	11,75	
53	QT15103	Hoàng Thị Nga	Nữ	06/06/1986	Thanh Hóa			9,00	9,15	72,00	18,15	
54	QT15104	Đào Thị Minh Ngọc	Nữ	20/03/1989	Bắc Giang	Cử nhân TA		6,50	7,15	-----	13,65	Miễn thi Tiếng Anh
55	QT15105	Hoàng Minh Ngọc	Nữ	11/01/1997	Phủ Thọ			8,75	8,30	60,00	17,05	
56	QT15106	Phạm Bích Ngọc	Nữ	27/12/1999	Hà Nội			8,25	5,80	56,00	14,05	
57	QT15107	Vũ Thị Minh Nguyệt	Nữ	30/06/1984	Hà Nam			8,50	8,65	70,00	17,15	
58	QT15108	Đoàn Thị Ninh	Nữ	02/07/1995	Nam Định			9,25	7,20	72,00	16,45	
59	QT15110	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	12/11/1995	Hà Nam			9,00	8,15	59,00	17,15	
60	QT15111	Bùi Thị Lan Phương	Nữ	02/02/1999	Ninh Bình			6,50	7,40	55,00	13,90	
61	QT15112	Trần Thị Minh Phương	Nữ	29/09/1989	Yên Bái			8,75	7,70	52,00	16,45	
62	QT15113	Lê Thị Phương	Nữ	22/04/1982	Hà Nội			5,75	8,05	58,00	13,80	
63	QT15114	Nguyễn Tiến Sơn	Nam	04/11/1995	Hà Nội			8,50	7,90	70,00	16,40	
64	QT15115	Đỗ Toàn Thắng	Nam	24/01/1975	Hà Nội			8,25	7,90	62,50	16,15	
65	QT15116	Phạm Quốc Thắng	Nam	02/03/1998	Hải Dương			7,25	7,25	65,00	14,50	
66	QT15117	Trần Quyết Thắng	Nam	12/11/1995	Nam Định			7,00	7,10	67,00	14,10	
67	QT15118	Nông Phương Thảo	Nữ	08/11/1991	Cao Bằng		DTKV1	8,75	9,15	64,00	17,90	- Đã cộng 10 điểm vào môn Tiếng Anh - Đã cộng 1 điểm vào môn QTNL
68	QT15119	Bùi Thị Hoài Thu	Nữ	05/01/1999	Nam Định			7,75	8,00	71,00	15,75	
69	QT15120	Phan Thị Bích Thủy	Nữ	01/08/1984	Hà Nội			7,00	7,40	58,00	14,40	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
70	QT15121	Hà Hàn Tín	Nam	27/05/1987	Hà Nội			6,75	6,15	53,00	12,90	
71	QT15122	Đỗ Thị Minh Trang	Nữ	06/12/1990	Tuyên Quang			7,75	6,65	79,00	14,40	
72	QT15123	Nguyễn Phương Trang	Nữ	12/07/1999	Quảng Ninh			7,25	8,05	70,00	15,30	
73	QT15124	Nguyễn Thu Trang	Nữ	10/09/1997	Hải Dương			8,25	8,40	58,00	16,65	
74	QT15125	Phan Huyền Trang	Nữ	17/11/1988	Hà Nội	Cử nhân TA		7,50	7,25	-----	14,75	Miễn thi Tiếng Anh
75	QT15127	Nguyễn Xuân Trường	Nam	23/01/1990	Hà Nội			6,50	6,95	59,00	13,45	
76	QT15128	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	20/12/1997	Quảng Ninh			9,00	8,20	76,00	17,20	
77	QT15129	Lê Văn Viên	Nam	20/03/1989	Hà Nội			8,00	7,15	57,00	15,15	
78	QT15130	Lê Thị Xuân	Nữ	24/12/1986	Thanh Hóa			9,25	8,05	78,00	17,30	
79	QT15131	Trần Hải Yến	Nữ	07/07/1984	Hà Nội			9,00	8,95	83,00	17,95	

Danh sách có 79 thí sinh trúng tuyển./

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng